

Bản án số: 80/2024/ST-HNGĐ
Ngày 26 tháng 6 năm 2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Đặng Huyền Sâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn H** – Sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn 8, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T** – Sinh năm: 1992

HKTT: Thôn 8, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Bà Đặng Thị T – Sinh năm: 1968 (Mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T) - Trú tại: Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:*

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn số 12/2014 ngày 06/02/2014 trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Chung sống một thời gian, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu nhau nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Nguyễn Yến N – sinh ngày: 07/10/2014, Trần Nguyễn Quỳnh N – sinh ngày: 01/5/2016 và Trần Nguyễn Kim N – sinh ngày: 15/7/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Quỳnh N ở với anh H, con Trần Nguyễn Kim N ở với chị Nguyễn Thị T. Nay ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi hai con Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Quỳnh N và để chị T nuôi con Trần Nguyễn Kim N. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung gì và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, nH thông qua bà Đặng Thị T thì chị T có ý kiến là: Chị T đồng ý ly hôn với anh H; Về con chung: Chị T thống nhất để anh H nuôi hai con Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Quỳnh N và chị T nuôi con Trần Nguyễn Kim N. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị T đi làm ăn xa không về giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị T, chị T không kiện cáo gì.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Quỳnh N khai: Bố cháu là Trần Văn H, mẹ cháu là Nguyễn Thị T, nay bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với bố.

- Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Đặng Thị T vắng mặt, nH trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã khai:

Chị Nguyễn Thị T là con gái bà T, còn anh H là con rể. Anh H và chị T kết hôn với nhau vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau và sinh được 03 người con là cháu Trần Nguyễn Yến N, Trần Nguyễn Quỳnh N và Trần Nguyễn Kim N. Sau một thời gian, vợ chồng mâu thuẫn và hiện nay sống ly thân. Từ khi sống ly thân, chị T nuôi con Trần Nguyễn Kim N và có gửi con cho bà T chăm sóc để đi làm ăn xa. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị T biết vì sau khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trong vụ án, bà T đều báo lại cho chị T, chị T cũng trao đổi qua điện thoại với bà T là đồng ý ly hôn với anh H. Về nuôi con chung: Chị T đồng ý để anh H nuôi hai con Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Quỳnh N, còn chị T nuôi con Trần Nguyễn Kim N. Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh H không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị T không về giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị T, chị T không có kiện cáo gì.

- *Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử và có đơn đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án lần thứ 2 nH không về Tòa án để giải quyết nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị T; Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Yến N – sinh ngày: 07/10/2014, Trần Nguyễn Quỳnh N – sinh ngày: 01/5/2016 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Trần Nguyễn Kim N – sinh ngày: 15/7/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án xác định, bị đơn là chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H có đơn yêu cầu không hòa giải và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nH chị T không có mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện A,

tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 03 con chung, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hiểu nhau, không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị T, anh H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong quá trình sống ly thân, giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm không còn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của anh H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu cho chị T NH chị T vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Thông qua bà Đặng Thị T, chị T có ý kiến đồng ý ly hôn với H và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T. Vì vậy, Tòa án có căn cứ xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa anh H và chị T đã sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa anh H và chị Yến lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị T là chấp nhận yêu cầu ly hôn với anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T có 03 người con chung là Trần Nguyễn Yến N – sinh ngày: 07/10/2014, Trần Nguyễn Quỳnh N – sinh ngày: 01/5/2016 và Trần Nguyễn Kim N – sinh ngày: 15/7/2018. Từ khi vợ chồng anh H và chị T sống ly thân, hai con Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Quỳnh N ở cùng với anh H, con Trần Nguyễn Kim N ở cùng với chị T. Nay ly hôn anh H và chị T có ý kiến, anh H nuôi 2 con Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Quỳnh N, còn chị T nuôi con Trần Nguyễn Kim N. Nên cần chấp nhận ý kiến của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ*: Anh Trần Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về án phí*: Anh Trần Văn H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Trần Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

* *Về nuôi con chung*:

Giao con chung là Trần Nguyễn Yên N – sinh ngày: 07/10/2014 và Trần Nguyễn Quỳnh N – sinh ngày: 01/5/2016 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Giao con chung là Trần Nguyễn Kim N – sinh ngày: 15/7/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* *Về án phí*: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0007837 ngày 11/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

* *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Lệ Hằng

